

Bản án số: **18/2020/HSPT**

Ngày: 19-02-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Long**

Các thẩm phán: Ông **Mai Xuân Thành**

Ông **Trần Quốc Cường**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Văn Thị Mỹ Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Lê Ra**, Kiểm sát viên.

Vào ngày 19 tháng 02 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 385/2019/TLPT-HS ngày 27 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo **Lê Hoài L** về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo của bị cáo, bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2019/HS-ST ngày 17-10-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2020/QĐXXPT-HS ngày 03 tháng 02 năm 2020.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lê Hoài L (tên gọi khác: Đ) sinh ngày 16 tháng 10 năm 1992 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: thành phố H; nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn N (chết) và bà Đoàn Thị N; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 09/10/2018 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

1. Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1986, trú tại: thành phố H. Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Thái H, sinh năm 1995, trú tại: thành phố H. Vắng mặt.

3. Bà Mai Thị Q C, sinh năm 1991, trú tại: thành phố H. Có mặt.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Dương Viết H1, sinh năm 1985, trú tại: thành phố H. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Phi H2, sinh năm 1987, trú tại: thành phố H. Vắng mặt.

3. Ông Đồng Văn Đ, sinh năm 1987 và chị Nguyễn Thị Như Q, sinh năm 1989, đều trú tại: tỉnh Nghệ An. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Thái T, sinh năm 1970, trú tại: thành phố H. Vắng mặt.

5. Ông Hồng Trọng T1, sinh năm 1977, trú tại: thành phố H. Có mặt.

6. Bà H Thị T, sinh năm 1985, trú tại: thành phố H. Vắng mặt.

7. Ngân hàng X Việt Nam. Địa chỉ: thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Q, chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Đức T, chức vụ: Phó Phòng phụ trách Phòng Quan hệ khách hàng - Ngân hàng X Việt Nam chi nhánh Huế. Địa chỉ liên hệ: thành phố H. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

8. Ông Lê Văn T3, sinh năm 1978; địa chỉ: thành phố H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 01 năm 2018 đến tháng 7 năm 2018, Lê Hoài L là Giám đốc công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ và du lịch X, chuyên kinh doanh dịch vụ cho thuê ô tô tự lái và du lịch, nên L có hợp tác với một số người để họ làm hợp đồng ký gửi xe ô tô, để L kinh doanh chia lợi nhuận. Do làm ăn thua lỗ, nên L nảy sinh ý định chiếm đoạt 03 ô tô đem đi cầm cố lấy tiền sử dụng cho mục đích cá nhân. Cụ thể như sau:

Vụ 1: Vào tháng 5 năm 2018, chị Nguyễn Thị Thanh H (sinh năm 1986, trú tại: thành phố H) nhờ em ruột là Nguyễn Phi H2 (sinh năm 1987) đứng tên vay tiền tại Ngân hàng thương mại cổ phần A chi nhánh Huế để mua ô tô và nhờ đứng tên đăng ký chủ sở hữu ô tô hiệu Hyundai Elantra biển kiểm soát 75A-121.98. Đến ngày 12/5/2018, chị H thống nhất làm hợp đồng cho L thuê ô tô 75A-121.98 để kinh doanh dịch vụ cho thuê xe tự lái, thời hạn 03 năm (kể từ ngày 12/5/2018 đến ngày 12/5/2021), với số tiền là 17.000.000 đồng/tháng. Đồng thời, chị H cũng cho L biết là ô tô 75A-121.98 đang thế chấp tại Ngân hàng để vay tiền, nên hàng tháng phải trả tiền lãi và tiền gốc. Ngày 15/5/2018, Ngân hàng A chi nhánh Huế làm thủ tục cho L cam kết thực hiện nghĩa vụ hàng tháng

trích từ số tiền 17.000.000 đồng để trả nợ tiền gốc và tiền lãi cho chị H. Đến ngày 04/6/2018, L nảy sinh ý định chiếm đoạt ô tô 75A-121.98 đưa đến cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ AC cầm cố cho anh Dương Viết H1 (sinh năm 1985, thành phố H), với số tiền 168.000.000 đồng.

Ngày 6 tháng 9 năm 2018, chị H biết L đưa ô tô đi cầm cố cho người khác, nên đã làm đơn gửi đến cơ quan Công an tố cáo hành vi chiếm đoạt ô tô của L.

Tang vật: Cơ quan điều tra thu giữ gồm:

- 01 Hợp đồng cho thuê ô tô 75A-121.98 và 01 Giấy cam kết về việc trả nợ đều bản photocopy (do chị H giao nộp).

- 01 ô tô hiệu Hyundai Elantra biển kiểm soát 75A-121.98; 01 giấy mượn tiền của Lê Hoài L; 01 giấy chứng nhận kiểm định ô tô và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc ô tô 75A-121.98 (do anh H1 giao nộp).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 394/KL-HĐĐG ngày 19/11/2018 của H1 đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố H, kết luận: Ô tô 75A-121.98 có giá trị là 630.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Ngày 23/11/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H ra Quyết định xử lý vật chứng số 05 trả lại ô tô 75A-121.9801; 01 giấy Chứng nhận kiểm định ô tô và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc ô tô 75A-121.98 cho chị Nguyễn Thị Thanh H.

Về trách nhiệm dân sự: Lê Hoài L đã bồi thường tiền thuê ô tô cho chị H, với tổng số tiền là 44.500.000 đồng và chị H đã nhận lại ô tô 75A-121.98, nên không yêu cầu bị cáo L bồi thường gì thêm về dân sự. Anh H1 yêu cầu L bồi thường số tiền 168.000.000 đồng, hiện L chưa bồi thường.

Vụ 2: Vào tháng 8 năm 2017, anh Nguyễn Thái H (sinh năm 1995, trú tại: thành phố H) nhờ bố ruột là anh Nguyễn Thái T (sinh năm 1970) đứng tên vay tiền tại Ngân hàng Công thương chi nhánh Huế và nhờ đứng tên đăng ký chủ sở hữu ô tô hiệu Mazda 3 biển kiểm soát 75A-107.52. Đến ngày 01/01/2018, anh H thống nhất làm hợp đồng cho L thuê ô tô 75A-107.52 để kinh doanh dịch vụ cho thuê xe tự lái, thời hạn 01 năm (kể từ ngày 01/01/2018 đến ngày 01/01/2019), với số tiền là 17.000.000 đồng/tháng. Đến khoảng giữa tháng 6/2018, L nảy sinh ý định chiếm đoạt ô tô 75A-107.52, nên điện thoại cho anh Đồng Văn Đ (sinh năm 1987, trú tại: chủ Salon ô tô Đ Ngân hàng) nói dối là xe mới mua, chưa sang tên nên cần bán. Nghe vậy, anh Đ yêu cầu L chụp ảnh ô tô gửi vào mạng Zalo để kiểm tra. Sau khi kiểm tra, thì anh Đ đồng ý mua với số tiền 625.000.000 đồng, nên anh Đ nói với vợ là chị Nguyễn Thị Như Q (sinh năm 1989) đã chuyển tiền vào tài khoản Ngân hàng của L nhiều lần, với tổng số tiền 425.000.000 đồng. Đến ngày 25/6/2018, anh Lê Đức A (sinh năm 1983, trú

tại: tỉnh Nghệ An, nhân viên của Đ) vào Huế lấy ô tô và L viết Giấy bán ô tô 75A-107.52 cho chị Q. Số tiền còn lại, anh Đ thỏa thuận với L là sẽ trả hết khi hoàn thành thủ tục sang tên chủ sở hữu.

Theo lời khai của anh Đ, thì khoảng 02 ngày sau, anh Đ bán ô tô 75A-107.52 cho anh Nguyễn Văn T (trú tại: tỉnh Quảng Ninh), với số tiền 640.000.000 đồng. Sau đó, anh Đ được biết ô tô 75A-107.52 là do L phạm tội mà có, nên đã liên hệ với anh T trả lại tiền và lấy xe ô tô, rồi giao nộp cho cơ quan Công an.

Ngày 27 tháng 8 năm 2018, anh H được biết L cầm cố xe ô tô, nên đã làm đơn gửi đến cơ quan Công an tố cáo hành vi chiếm đoạt ô tô của L.

Tang vật: Cơ quan điều tra thu giữ gồm:

- 01 Hợp đồng cho thuê ô tô 75A-107.52 và 01 giấy biên nhận thế chấp ngân hàng đều bản photocopy (do anh H giao nộp);

- 02 biển số đăng ký xe 75A-107.52 bằng kim loại; 01 giấy Chứng nhận đăng kiểm ô tô 75A-107.52 (bản chính); 01 ô tô Mazda3 số khung RN2BN4AA6HC07084, số máy P520447599; 06 tờ giấy chứng từ sao kê Ngân hàng do chị Nguyễn Thị Như Q về việc chuyển tiền cho Lê Hoài L; 01 giấy bán ô tô 75A-107.52 giữa Lê Hoài L và Nguyễn Thị Như Q ngày 25/6/2018; 01 giấy bán ô tô Mazda3 75A-107.52 giữa Đồng Văn Đ và Nguyễn Văn T ngày 27/6/2018 và 01 Chứng minh nhân dân mang tên Lê Hoài L (đều bản photocopy do anh Đồng Văn Đ giao nộp).

Tại bản Kết luận về việc xác định chất lượng, giá trị tài sản số 06/KL-HĐĐG ngày 02/01/2019 của H1 đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Thừa Thiên Huế, kết luận: Ô tô 75A-107.52 có giá trị là 605.022.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Ngày 08/01/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế ra Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu số 03/PC01 trả lại cho anh Nguyễn Thái H ô tô Mazda 3 biển kiểm soát 75A-107.52 cùng với giấy Chứng nhận đăng kiểm xe ô tô.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Đ yêu cầu L phải bồi thường số tiền 425.000.000 đồng. Hiện L đã bồi thường cho anh Đ 20.000.000 đồng, còn lại số tiền 405.000.000 đồng L chưa bồi thường.

Anh H yêu cầu L bồi thường số tiền thuê ô tô theo hợp đồng là 104.000.000 đồng, hiện L chưa bồi thường.

Vụ 3: Vào khoảng tháng 02 năm 2016, chị Mai Thị Q C (sinh năm 1991, trú tại: 31 Nguyễn Du, phường Phú Cát, thành phố H) có mua ô tô hiệu Hyundai Acent Blue biển kiểm soát 75A-056.20 của chị H Thị T (sinh năm 1985, trú tại: thành phố H), nhưng chưa làm thủ tục sang tên chủ. Do có mối quan hệ xã hội,

nên vợ chồng chị C được biết L thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ và du lịch X, chuyên kinh doanh dịch vụ cho thuê ô tô tự lái và du lịch. Đến ngày 28/6/2018, chị C trao đổi với L thống nhất giao ô tô 75A-056.20 cho L để kinh doanh và thỏa thuận với L là “nếu có khách thuê xe ô tô, thì L trả cho chị C số tiền 500.000 đồng/ngày”. Đến ngày 03/7/2018, L nảy sinh ý định chiếm đoạt ô tô 75A-056.20, nên L đã làm giả giấy bán ô tô có nội dung "chị H Thị T bán ô tô 75A-056.20 cho Lê Hoài L, với số tiền 367.000.000 đồng", rồi L đem đến bán cho anh Hồng Trọng T1 (sinh năm 1977, trú tại: thành phố H). Để anh T1 tin tưởng ô tô 75A-056.20 là của L mua lại, nên L đưa cho anh T1 xem giấy kiểm định xe ô tô, bản sao công chứng Giấy chứng nhận đăng ký ô tô và giấy bán ô tô giữa L và chị T. Thấy vậy, anh T1 đồng ý mua ô tô 75A-056.20 với số tiền là 367.000.000 đồng, anh T1 đưa trước cho L số tiền đặt cọc là 130.000.000 đồng và thỏa thuận làm xong thủ tục rút hồ sơ ô tô sẽ trả hết số tiền còn lại.

Đến ngày 14/7/2018, chị C biết L đã cầm cố xe ô tô, nên đã trao đổi và cho L thời gian để trả lại xe ô tô. Đồng thời, chị C yêu cầu L làm hợp đồng cho thuê ô tô 75A-056.20, thời hạn 01 tháng (kể từ ngày 14/7/2018 đến ngày 14/8/2018), với số tiền là 10.000.000 đồng/tháng. Đến thời hạn nhưng L không trả xe ô tô, nên ngày 16/8/2018, chị C đã làm đơn gửi đến cơ quan Công an tố cáo hành vi chiếm đoạt ô tô của L.

Ngoài ra, chị Mai Thị Q C còn trình báo: Vào ngày 04 và 07/7/2018, Lê Hoài L có mượn của chị C số tiền 100.000.000 đồng, với lãi suất 7.000.000 đồng/tháng, thời gian vay là 10 ngày và đã trả được cho chị C số tiền 20.000.000 đồng, còn lại số tiền 80.000.000 đồng L chưa trả cho chị C. Quá trình điều tra xác định, do cần tiền để kinh doanh nên trước đó L có điện thoại thỏa thuận vay tiền của chị C với lãi suất 7% / tháng nhằm mục đích cầm cố xe ô tô. Đến ngày 04 và 07/7/2018, chị C mới cho L mượn tiền, nhưng do làm ăn thua lỗ, nên L không có khả năng trả lại tiền cho chị C. Do vậy, Cơ quan điều tra xác định đây là quan hệ dân sự.

Tang vật: Cơ quan điều tra thu giữ gồm:

- 01 giấy mượn tiền của Lê Hoài L ngày 07/7/2018; 01 giấy ủy quyền của H Thị T ngày 10/9/2018; 01 Hợp đồng thuê ô tô và 01 giấy bán xe ngày 25/5/2018 (do chị C giao nộp).

- 01 ô tô hiệu Hyundai Acent màu trắng biển kiểm soát 75A-056.20; 01 bản sao công chứng Giấy chứng nhận đăng ký ô tô 75A-056.20 mang tên H Thị T; 01 giấy Chứng nhận kiểm định ô tô 75A-056.20; 01 giấy bán ô tô giữa L và chị T ngày 03/7/2018 và 01 giấy nhận tiền ngày 03/7/2018 (do anh T1 giao nộp).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 344/KL-HĐĐG ngày 24/9/2018 của H1 đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố H kết luận: Ô tô 75A-056.20 có giá trị là 360.000.000 đồng.

Tại bản Kết luận giám định số 39/GĐ ngày 12/3/2019 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, kết luận:

1. Chữ viết mang tên H Thị T trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ viết đứng tên Lê Hoài L trên các tài liệu mẫu ký hiệu M1 đến M3; M6 không phải do cùng một người viết ra.

2. Chữ viết mang tên H Thị T trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ viết đứng tên H Thị T trên các tài liệu mẫu ký hiệu M4; M5; M7 không phải do cùng một người viết ra.

3. Chữ viết, chữ ký mang tên Lê Hoài L trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ viết, chữ ký đứng tên Lê Hoài L trên tài liệu mẫu ký hiệu M1 đến M3; M6 do cùng một người viết, ký ra.

4. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên H Thị T trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký đứng tên H Thị T trên các tài liệu mẫu ký hiệu M4; M5; M7 có phải do cùng một người ký ra hay không (chữ ký cần giám định so với chữ ký mẫu so sánh là khác dạng).

Với các nội dung trên,

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 46/2019/HS-ST ngày 17/10/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Hoài L phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng Khoản 4, Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điểm b,s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Lê Hoài L 12 (mười hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam 09/10/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định,

Ngày 28/10/2019 bị cáo Lê Hoài L có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 01/11/2019 bà Nguyễn Thị Thanh H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Lê Hoài L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, H1 đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lê Hoài L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 01 tháng 2018 đến tháng 5 năm 2018, Lê Hoài L là Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dịch vụ và Du lịch X, chuyên kinh doanh dịch vụ cho thuê ô tô tự lái và du lịch. L có hợp tác với bà Nguyễn Thị Thanh H, ông Nguyễn Thái H và bà Mai Thị Q C làm hợp đồng thuê xe ô tô, để L kinh doanh cho thuê xe tự lái, L sẽ trả tiền thuê xe hằng tháng cho những người này theo thỏa thuận.

Do làm ăn thua lỗ, nên từ ngày 04/6/2018 đến ngày 03/7/2018, L nảy sinh ý định chiếm đoạt 03 ô tô có biển kiểm soát, gồm: 75A-121.98 của chị Nguyễn Thị Thanh H có giá trị là 630.000.000 đồng; 75A-107.52 của anh Nguyễn Thái H có giá trị là 605.022.000 đồng và 75A-056.20 của chị Mai Thị Q Chỉ có giá trị là 360.000.000 đem bán hoặc cầm cố lấy số tiền là 723.000.000 đồng để sử dụng vào mục đích cá nhân.

Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 1.595.022.000 đồng (Một tỷ năm trăm chín mươi lăm triệu không trăm hai mươi hai ngàn đồng).

Hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của nhiều người, với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt 1.595.022.000 đồng của bị cáo Lê Hoài L đã phạm vào tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 4 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015. Án sơ thẩm xử phạt bị cáo là có căn cứ.

[2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, thấy:

Bị cáo Lê Hoài L là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tài sản của công dân được pháp luật bảo hộ, nếu xâm phạm sẽ bị pháp luật xử lý nghiêm, nhưng do muốn có tiền để trả nợ và tiêu xài cá nhân nên đã lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Bị cáo phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xét án sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã khắc phục hậu quả, bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có nhân thân tốt. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng những tình tiết này được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 để xử bị cáo 12 năm tù là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xuất trình chứng cứ mới, sau khi xét xử sơ thẩm, gia đình bị cáo có Đơn xin thỏa thuận với ông Đồng Văn Đ, bà Nguyễn Thị Như Q có thương lượng và trả số tiền 405.000.000 đồng (Bốn trăm không

năm triệu đồng) được ông Đ, bà Q điểm chỉ và ký xác nhận vào ngày 18/02/2020 và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo;

Bà Nguyễn Thị Thanh H có Đơn đề nghị và xác nhận là gia đình bị cáo có đến gặp bà Nguyễn Thị Thanh H thương lượng với bà, trả cho bà số tiền 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng), và cũng đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đơn của bà lập ngày 18/02/2020 được UBND phường Phú Thuận, thành phố H chứng thực vào ngày 18/02/2020;

Ông Lê Văn T3 là bị hại trong vụ án cũng có Đơn xin thỏa thuận với bà Đoàn Thị Nga là mẹ bị cáo Lê Hoài L là mẹ bị cáo thương lượng và trả cho ông Lê Văn T3 số tiền 222.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi hai triệu đồng) và cũng có đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đơn được viết ngày 18/02/2020 và được UBND phường An Tây, thành phố H chứng thực vào ngày 18/02/2020;

Ông Hồng Trọng T1 có mặt tại phiên tòa cũng xác nhận gia đình bị cáo có gặp ông để thương lượng trả số tiền 130.000.000 đồng, ông cam đoan đúng như đã thỏa thuận và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đây là những tình tiết mới do gia đình bị cáo xuất trình cho H1 đồng xét xử tại phiên tòa phúc thẩm. Nên có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của bị hại bà Nguyễn Thị Thanh H, áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo an tâm cải tạo, thể hiện chính sách hình sự nhân đạo đối với bị cáo.

[3]. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị H1 đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo và của bị hại bà Nguyễn Thị Thanh H do gia đình bị cáo có xuất trình tình tiết mới. Nên đề nghị giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo; Đề nghị này phù hợp với nhận định của H1 đồng xét xử, có căn cứ nên chấp nhận.

[4]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo Lê Hoài L được chấp nhận, nên bị cáo L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác còn lại của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Hoài L, chấp nhận kháng cáo của bị hại bà Nguyễn Thị Thanh H sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2019/HS-ST ngày 17/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về phần hình phạt.

Áp dụng: Khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015;

[1]. Xử phạt: Bị cáo Lê Hoài L 10 (Mười) năm 06 (Sáu) tháng tù. Về tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/10/2018.

[2]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Hoài L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3]. Các quyết định khác còn lại của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cơ quan CSĐT-CA tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Phòng HSNV-CA tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh T.T. Huế;
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Trại tạm giam CA tỉnh T.T Huế (bị cáo);
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Long